

Bản án số: 536/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2024
V/v tranh chấp: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Thanh Dung
- Ông Nguyễn Văn Thịnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thức – Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Nam Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 452/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 62/2024/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2024 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/6/2024, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Việt Thụy H, sinh năm 1982

Địa chỉ: A N, phường A, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. “vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt”

2. Bị đơn: Ông Đỗ Đạt C, sinh năm 1972

Địa chỉ: A P, phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. “có mặt”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các biên bản tiếp theo sau đó, bà Trần Việt Thụy H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông và Đỗ Đạt C tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2002 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004). Do bản chính bị thất lạc nên bà không cung cấp được cho Tòa án mà chỉ cung cấp được Trích lục kết hôn (Bản sao) số 125/TLKH-BS ngày 15/4/2024 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong suốt quá trình chung sống, giữa ông bà có rất nhiều mâu thuẫn, thường xuyên gây gổ, ông Đỗ Đạt C thường mạt sát bà bằng những lời lẽ thô tục, thậm chí đánh bà, làm tổn thương bà về thể xác lẫn tinh thần trầm trọng. Vì con cái nên nhiều lần bà bỏ qua, cố gắng hòa giải để các con có đầy đủ cha mẹ. Tuy nhiên đến nay tình trạng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi, vợ chồng thường xuyên có những bất đồng, cuộc sống chung không có hạnh phúc, hiện nay cả hai cũng đã sống ly thân mỗi người một

nơi. Do vậy, để ổn định cuộc sống bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **Đỗ Đạt C**.

- Về con chung: Bà và ông **Đỗ Đạt C** chung sống với nhau có 04 con chung tên **Đỗ Quang V**, sinh ngày 07/7/2003 (đã trưởng thành); **Đỗ Thụy Minh V1**, sinh ngày 28/9/2005 (đã trưởng thành); **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung chưa trưởng thành. Bà tự nguyện không yêu cầu ông **Đỗ Đạt C** phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà và ông **Đỗ Đạt C** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, các biên bản làm việc tiếp sau đó, bị đơn – ông **Đỗ Đạt C** trình bày:

- Về hôn nhân : Ông và bà **Trần Việt Thụy H** tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2002 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn theo quy định. (Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường B1, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004). Bản chính Giấy chứng nhận kết hôn, ông cũng không còn lưu giữ nên không cung cấp được cho Tòa án. Quá trình chung sống, vợ chồng ông cũng như bao gia đình khác đều có những mâu thuẫn, bất đồng. Ông xác định, thỉnh thoảng có khi ông nóng giận không kìm chế nên có đánh vợ bằng tay, và những năm gần đây thì vợ ông đánh ông, chửi ông chứ ông không hề đánh hay chửi vợ ông. Năm 2022, ông và bà **Trần Việt Thụy H** cùng nộp đơn thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, khi Tòa án mời thì cả hai vợ chồng ông, bà không đến Tòa án để giải quyết, sau đó bà **H** rút đơn, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã đình chỉ giải quyết vụ việc. Sau đó, ông và bà **H** bắt đầu sống ly thân với nhau hơn 01 tháng nay do giữa hai bên có xảy ra bất đồng. Theo ông, vợ chồng ông có xảy ra mâu thuẫn nhưng không trầm trọng, ông mong muốn vợ chồng đoàn tụ nên chưa muốn ly hôn.

- Về con chung : Ông xác định ông và bà **Trần Việt Thụy H** chung sống với nhau có 04 con chung tên **Đỗ Quang V**, sinh ngày 07/7/2003 (đã trưởng thành); **Đỗ Thụy Minh V1**, sinh ngày 28/9/2005 (đã trưởng thành); **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014. Trường hợp phải ly hôn, ông đồng ý giao 02 con chung chưa trưởng thành cho bà **Trần Việt T** Hồng trực tiếp nuôi dưỡng, còn các con chung còn lại đã trưởng thành nên không có yêu cầu gì. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông và bà **Trần Việt Thụy H** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông xác định ông và bà **Trần Việt Thụy H** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bà **Trần Việt Thụy H** vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt và vẫn giữ các ý kiến, yêu cầu như trên; ông **Đỗ Đạt C** trình bày mâu thuẫn giữa ông và bà **H** chưa trầm trọng để phải ly hôn nên ông không đồng ý ly hôn, về con chung: Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông đồng ý giao 02 con chưa đủ 18 tuổi cho bà **H** trực tiếp nuôi dưỡng; con chung đã trưởng thành thì ông không có yêu cầu gì. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông và bà **Hồng t** thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông xác định ông và bà **Trần Việt Thụy H** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về ý kiến trước đây, ông đề nghị bà **Trần Việt Thụy H** đưa cho ông 01 khoản tiền để ông làm vốn làm ăn. Việc này tùy bà **H** quyết định, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: Căn cứ lời khai nhận giữa các bên và các

tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thể hiện: bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa ông **C** và bà **H** có phát sinh mâu thuẫn, bất đồng; ông bà đã từng nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn về để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng đến nay không có kết quả. Bà **Trần Việt Thụy H** tiếp tục nộp đơn và cương quyết xin được ly hôn với ông **Đỗ Đạt C** để ổn định cuộc sống; ông **Đỗ Đạt C** không đồng ý ly hôn nhưng không có phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này cho thấy, mâu thuẫn giữa bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Tòa án xử chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Việt Thụy H** cho bà **Trần Việt T** Hồng được ly hôn với ông **Đỗ Đạt C**; về con chung: bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** xác nhận có 04 con chung tên **Đỗ Quang V**, sinh ngày 07/7/2003 (đã trưởng thành); **Đỗ Thụy Minh V1**, sinh ngày 28/9/2005 (đã trưởng thành); **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014. Hiện có 02 con chung đã trưởng thành, các ông bà không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết; đối với 02 con chung chưa đủ 18 tuổi gồm **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014 cả hai thống nhất giao con chung cho bà **Trần Việt T H** tiếp tục nuôi dưỡng là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật nên ghi nhận giao 02 con chung **Đỗ Minh K** và **Đỗ Hồng A** cho bà **Trần Việt T** Hồng trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con chung ông, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; về án phí LHST: đề nghị giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà **Trần Việt T** Hồng vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và vẫn giữ nguyên các ý kiến yêu cầu đã trình bày. Do đó, căn cứ Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004) được xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không có tiếng nói chung. Vào năm 2022, bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** đã từng nộp đơn thuận tình ly hôn tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng một bên không đến Tòa án và một bên rút đơn. Do đó, ngày 30/9/2022, Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã có quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 2091/2022/QĐST-HNGĐ. Do sau đó, không hàn gắn được tình cảm vợ chồng, ông bà đã tự sống ly thân, mỗi người ở một nơi, bà **Trần Việt Thụy H** tiếp tục nộp đơn xin ly hôn với ông **Đỗ Đạt C** tại Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ cho ông bà nhưng không có kết quả, bà **Trần Việt Thụy H** cương quyết xin được ly hôn để ổn định cuộc sống, ông **Đỗ Đạt C** không đồng ý ly hôn nhưng đến nay chưa có giải pháp hiệu quả để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được. Căn cứ các Điều 51, Điều 53 và các Điều 54, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà **Trần Việt Thụy H** cho bà được ly hôn với ông **Đỗ Đạt C**.

[2.2] Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của các đương sự và bản sao giấy khai sinh có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** chung sống với nhau có 04 con chung tên **Đỗ Quang V**, sinh ngày 07/7/2003 (đã trưởng thành); **Đỗ Thụy Minh V1**, sinh ngày 28/9/2005 (đã trưởng thành); **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014. Hiện có 02 con chung đã trưởng thành, bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết; đối với 02 con chung chưa đủ 18 tuổi gồm **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014, bà **Trần Việt Thụy H** yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung tên **Đỗ Minh K** và **Đỗ Hồng A**; ông **Đỗ Đạt C** đồng ý giao 02 con chung là **Đỗ Minh K** và **Đỗ Hồng A** cho bà **Trần Việt T H** tiếp tục nuôi dưỡng. Xét đây là sự tự nguyện của các bên, đồng thời, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho con chung cũng như tạo điều kiện cho con chung phát triển về mọi mặt cần tiếp tục giao con chung cho bà **Trần Việt Thụy H** được trực tiếp nuôi dưỡng; Việc cấp dưỡng nuôi con chung bà **Trần Việt Thụy H** không yêu cầu giải quyết; ông **Đỗ Đạt C** có ý kiến tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, căn cứ các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao con chung cho bà **Trần Việt T H** trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục 02 trẻ **Đỗ Minh K** và **Đỗ Hồng A**. Việc cấp dưỡng nuôi con chung, ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[2.4] Về ý kiến trước đây, ông **Đỗ Đạt C** đề nghị bà **Trần Việt Thụy H** đưa cho ông 01 khoản tiền để ông làm vốn làm ăn. Tại phiên tòa, ông **C** xác định, việc này tùy bà **H** quyết định, ông không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí HNGĐST: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà **Trần Việt Thụy H** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032412 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà **Trần Việt Thụy H** đã nộp đủ án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53 và các Điều 54, 56, 57, 58, 71, 72, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà **Trần Việt Thụy H.**

- Về hôn nhân: Bà **Trần Việt Thụy H** được ly hôn với ông **Đỗ Đạt C** (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/3/2004).

- Về con chung: bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** có 04 con chung tên **Đỗ Quang V**, sinh ngày 07/7/2003 (đã trưởng thành); **Đỗ Thụy Minh V1**, sinh ngày 28/9/2005 (đã trưởng thành); **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng A**, sinh ngày 11/9/2014.

Giao 02 con chung tên **Đỗ Minh K**, sinh ngày 11/02/2008 và **Đỗ Hồng Á**, sinh ngày 11/9/2014 cho bà **Trần Việt Thụy H** trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Việc cấp dưỡng nuôi 02 con chung bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Ông **Đỗ Đạt C** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được quyền cản trở nhưng ông không được lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Bà **Trần Việt Thụy H** và ông **Đỗ Đạt C** xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí HNGĐ sơ thẩm:

Bà **Trần Việt Thụy H** phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032412 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh. Bà **Trần Việt Thụy H** đã nộp đủ án phí.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận;
- Chi cục THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- UBND Phường 02, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Thảo